

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

HYDREX 2914

Số CAS:	Hỗn hợp chất	Số UN:	3098	Số đăng ký EC:	Hỗn hợp chất
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có):			Không		
Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			Không		

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất:	Hydrex 2914	Mã sản phẩm: HYDREX 2914
Tên thương mại:	Hydrex 2914	
Tên khác (không là tên khoa học):	Không	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu: Công ty TNHH XNK THIÊN KHÁNH (THIENKHANH CO.,LTD) Địa chỉ: Số 8, tổ 20A, Cụm 4, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp (tại VN): Công ty: THIENKHANH CO.,LTD VPGD: Số 302, Đường Khương Đình, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội Tel: 04.3858.5995 Fax: 04.3551.0543 Email: info@thienkhanh.com.vn
Tên nhà sản xuất – xuất khẩu: Veolia Water Solutions & Technologies (SEA) Pte Ltd Địa chỉ: Số 5 Loyang Way 1, Singapore 508706		
		
		
Mục đích sử dụng:	Xử lý nước hệ thống làm mát tuần hoàn kín	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% trọng lượng)
Sodium nitrite	7632-00-0	NaNO ₂	30 - < 35
Sodium tetraborate (decahydrate)	1303-96-4	Na ₂ B ₄ O ₇ .10H ₂ O	< 1
Các thành phần không nguy hại (dưới mức khai báo)	Không áp dụng	Không áp dụng	65 - < 70

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hại theo GHS:

Nguy hại vật lý:	Dung dịch có tính ô xy hóa	Loại 3
Nguy hại sức khỏe:	Độc cấp tính, đường miệng:	Loại 3
	Ăn mòn / gây rát da:	Loại 1
	Nguy hại / gây rát mắt:	Loại 1
	Độc tính sinh sản:	Loại 1
Nguy hại về môi trường:	Đến môi trường nước, cấp tính:	Loại 1 (3.33% của hỗn hợp bao gồm các thành phần có thể gây hại cho môi trường nước)
	Đến môi trường nước, dài lâu:	Loại 1 (3.33% của hỗn hợp bao gồm các thành phần có thể gây hại cho môi trường nước)

2. Cảnh báo nguy hiểm theo GHS:

Hình đồ cảnh báo:	
Từ cảnh báo:	Nguy hại
Thông tin cảnh báo:	H272 – Có thể làm tăng cường đám cháy, là chất có tính ô xy hóa. H302 – Nguy hiểm nếu nuốt phải. H314 – Gây bỏng da và hại mắt. H318 – Gây hại nghiêm trọng đến mắt. H360 – Có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và thai nhi. H402 – Có thể gây hại đến môi trường nước.
Hướng dẫn để phòng:	P201 – Nhận các chỉ dẫn cụ thể trước khi dùng. P202 – Không tiếp xúc cho đến khi đọc và hiểu rõ các vấn đề an toàn. P210 – Tránh xa các nguồn nhiệt. P220 – Để xa nơi có vải vóc, quần áo và vật liệu dễ cháy. P221 – Không trộn lẫn với các chất dễ cháy. P260 – Không hít khói, bụi sản phẩm. P264 – Tắm rửa sạch sẽ sau khi tiếp xúc.

	P270 – Không ăn, uống, hút khi đang làm việc với sản phẩm. P273 – Tránh xả trực tiếp ra môi trường. P280 – Trang bị bảo hộ: găng tay, quần áo, kính và mặt nạ bảo hộ.
Ứng cứu:	P301 + P312 – Nếu nuốt phải: Gọi bác sỹ / trung tâm chống độc khi cảm thấy không ổn. P301 + P330 + P331 – Nếu nuốt phải: Súc miệng, không kích nôn. P303 + P361 + P353 – Nếu tiếp xúc da (hoặc tóc): Cởi bỏ quần áo. Rửa da, tóc với nhiều nước. P304 + P340 – Nếu hít phải: Đưa bệnh nhân tới nơi thoáng khí, nghỉ ngơi. P305 + P351 + P338 – Nếu dây vào mắt: Rửa kỹ mắt bằng nước trong vài phút, tháo kính áp tròng (nếu có và dễ làm). P310 - Gọi bác sỹ / trung tâm chống độc. P321 – Xử lý đặc. P363 – Giặt sạch quần áo nhiễm bẩn trước khi dùng lại. P370 + P378 – Trong trường hợp cháy: Sử dụng các chất dập cháy. P391 – Thu gom hóa chất tràn.
Lưu trữ:	P405 – Đóng kín, dựng thẳng.
Xả bỏ:	P501 – Theo quy định địa phương.
Các nguy hại khác:	Không biết

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp hít phải	Chuyển đến nơi không khí trong lành, nghỉ ngơi. Gọi bác sỹ nếu triệu chứng dai dẳng.
Trường hợp tiếp xúc trên da	Tháo bỏ và cô lập quần áo giày dép nhiễm hóa chất. Dùng nhiều nước rửa sạch vùng da dính hóa chất. Gọi bác sỹ nếu có triệu chứng kích ứng da dai dẳng. Giặt sạch quần áo trước khi dùng lại.
Trường hợp tiếp xúc mắt	Dùng nước rửa mắt trong ít nhất 15 phút. Tháo kính áp tròng (nếu đeo) và rửa mắt bằng nước. Gọi bác sỹ / trung tâm phòng độc.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (nuốt phải)	Gọi bác sỹ / trung tâm phòng độc. Súc miệng bằng nước sạch, không cố nôn, gọi bác sỹ nếu nuốt nhiều. Nếu buồn nôn và nôn, cúi đầu thấp để tránh hóa chất từ dạ dày tràn ngược vào phổi.
Triệu chứng nghiêm trọng, cấp và dai dẳng	Làm bong vết thương, ăn mòn da. Gây hại nghiêm trọng cho mắt. Triệu chứng có thể như nhức, rát, tấy đỏ, sưng và nhìn không rõ. Gây hại mắt nghiêm trọng có thể gây mù mắt.
Biện pháp sơ cứu	Sơ cứu bởi người có chuyên môn, hiểu biết về hóa chất này và được trang bị bảo hộ đầy đủ.
Lưu ý với bác sỹ điều trị	Xử lý theo triệu chứng. Nếu bong hóa chất: rửa bằng nước, khi rửa lưu ý cởi bỏ quần áo tránh loang hóa chất. Gọi xe cấp cứu, tiếp tục rửa hóa chất trên xe. Trường hợp thở gấp, cần cho thở ô xy. Giữ ấm bệnh nhân. Cần theo dõi bệnh nhân, triệu chứng có thể kéo dài.



V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Vật liệu chữa cháy	Nước phun sương. Bọt chữa cháy. Bọt hóa chất, CO2, cát, đất, vòi phun nước...
Vật liệu chữa cháy cần tránh	Không có.
Nguy hiểm khi chữa cháy	Có thể làm tăng cường đám cháy, là chất có tính ô xy hóa.
Các thủ tục chữa cháy	Khi có đám cháy: ngăn chặn rò rỉ hóa chất nếu có thể. Sơ tán hóa chất khỏi vùng cháy nếu không nguy hiểm. Trường hợp đám cháy lớn trong kho hàng, sử dụng vòi cứu hỏa. Nếu không thể, thoát khỏi đám cháy để cháy hết.
Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	Trang thiết bị chữa cháy tiêu chuẩn.
Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ	Có thể làm tăng cường đám cháy, là chất có tính ô xy hóa.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Phòng ngừa cá nhân, trang bị bảo hộ và các thủ tục trong trường hợp khẩn cấp.	Người không có nhiệm vụ không nên tiếp cận hóa chất. Không chạm vào hóa chất bị đổ tràn khi không được trang bị đồ bảo hộ phù hợp. Không hít khói bụi hóa chất. Trang bị bảo hộ lao động thích hợp. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Bảo vệ cá nhân xem MỤC VIII.
Phòng ngừa môi trường	Không xả thải ra môi trường. Liên hệ chính quyền địa phương khi có sự cố tràn ra môi trường nước. Phòng tránh mọi trường hợp có thể thoát hóa chất ra môi trường. Không đổ hóa chất xuống đất, cống, mương nước.
Xử lý sự cố tràn	Nguyên tắc chung: ngăn chặn hóa chất tiếp xúc với các nguồn lửa như tàn thuốc, ống khói, tàn lửa, lan đến các chất dễ cháy như vải, gỗ, giấy... Tràn lớn: Ngưng ngay dòng chảy hóa chất nếu việc này không có rủi ro. Tạo đê ngăn

	vùng hóa chất bị đổ nếu có thể. Thấm hút vào cát khoáng, cát hoặc đất khô và bỏ vào trong các thùng chứa. Sau khi thu hồi các vật thải, rửa sạch vùng đổ tràn với nước. Trần nhỏ: lau bằng các vật liệu thấm hút, rửa sạch bằng nước. Không tái sử dụng hóa chất bị tràn. Xử lý chất thải xem MỤC XIII.				
VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ					
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản	Tránh xa nguồn nhiệt. Lưu trữ trong thùng kín. Để nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không để gần các chất không tương thích (xem mục 10) và dễ cháy.				
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	Cần hiểu rõ sản phẩm và hướng dẫn an toàn trước khi dùng. Tránh xa nguồn nhiệt. Đề phòng tránh trộn sản phẩm với các chất dễ cháy. Không hít khói bụi sản phẩm. Không để giầy vào mắt, da. Không nếm hay nuốt sản phẩm. Không tiếp xúc lâu, tiếp xúc khi mang thai và nuôi con nhỏ. Không để giầy vào quần áo. Để nơi thoáng khí. Mặc quần áo bảo hộ và vệ sinh công nghiệp phù hợp. Không ăn, uống, hút khi đang làm việc. Rửa sạch tay sau khi tiếp xúc. Tránh xả thải ra môi trường, cống rãnh.				
VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN					
Thông số kiểm soát / Nồng độ giới hạn					
	Tổ chức	Chất giới hạn	Dạng	Giá trị	Dạng
	Singapore. PELs.	Sodium tetraborate (1303-96-4)	TWA	5 mg/m3	---
	US. ACGIH	Sodium tetraborate (1303-96-4)	STEL TWA	6 mg/m3 2 mg/m3	Hít Hít
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Thông gió tốt (đề xuất tốc độ thay gió 10 lần/giờ). Thông gió phù hợp với điều kiện thực tế. Đảm bảo môi trường luôn dưới giá trị phơi nhiễm như trên. Thiết bị rửa mắt và vòi hoa sen cần được trang bị khi làm việc với sản phẩm.				
Các biện pháp bảo hộ cá nhân khi làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hô hấp: sử dụng thiết bị trợ thở khi điều kiện thông gió kém. - Bảo vệ da: Quần áo, găng tay chịu hóa chất. - Bảo vệ mắt / mắt: Kính bảo hộ, mặt nạ chịu hóa chất. - Nguy hại nhiệt: Quần áo chịu nhiệt, nếu có điều kiện. - Vệ sinh: Không ăn, uống, hút thuốc khi làm việc. Luôn luôn đảm bảo vệ sinh, như rửa tay sau khi làm việc, giặt quần áo bảo hộ thường xuyên để loại bỏ tạp chất. 				
IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT					
Trạng thái vật lý:	chất lỏng	Màu:	Không áp dụng		
Mùi:	Không áp dụng	pH:	12.3 – 12.9		
Nhiệt độ đông đặc/nóng chảy:	Không áp dụng	Điểm chớp cháy (°C):	không có		
Tính cháy (lỏng, khí):	không có	Nhiệt độ tự cháy (°C):	Không áp dụng		
Giới hạn nồng độ cháy, dưới:	không có	Giới hạn nồng độ nổ, dưới:	Không áp dụng		
Giới hạn nồng độ cháy, trên:	Không có	Giới hạn nồng độ nổ, trên:	Không áp dụng		
Áp suất hơi:	Không có	Tỷ lệ hóa hơi:	Không có		
Tỷ trọng hơi:	Không có	Tỷ trọng:	Không áp dụng		
Tính tan (trong nước):	100%	Hệ số pha (n-octanol/nước):	Không áp dụng		
Nhiệt độ phân hủy:	Không áp dụng	Tỷ trọng đồ đông:	1.25 kg/l		
Độ nhớt:	Không áp dụng	Tỷ trọng:	1.2 – 1.3		
X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT					
Khả năng phản ứng	Không có thông tin				
Tính ổn định	Không có thông tin				
Điều kiện cần tránh	Phản ứng mạnh với các chất a xít mạnh. Sản phẩm có thể phản ứng với các chất ô xy hóa. Không trộn sản phẩm với các hóa chất khác. Không cho tiếp xúc với vật liệu không phù hợp.				
Vật liệu không tương thích	A xít và các chất ô xy hóa				
Sản phẩm phân hủy nguy hại	Không				
Khả năng phản ứng nguy hại	Không có thông tin				
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH					

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử	
HYDREX 2914 (hỗn hợp)	LD50	>= 250 mg/kg (tính toán)	Miệng	Chuột	
(*): tính toán trên cơ sở các chất không nêu chi tiết ở đây.					
Nguồn phơi nhiễm	Hít, nuốt, tiếp xúc da, mắt				
Triệu chứng	Sưng da, trợt da. Nguy hại nghiêm trọng mắt. Triệu chứng có thể như nhức, rát, tấy đỏ, sưng và nhìn không rõ. Gây hại mắt nghiêm trọng có thể gây mù mắt.				
Gây rát, trợt da	Bỏng da, hại mắt				
Gây rát, hại mắt	Gây hại nghiêm trọng cho mắt				
Nhạy hô hấp	Không phân loại do không đủ số liệu				
Nhạy da	Không phân loại do không đủ số liệu				
Đột biến mầm tế bào	Không phân loại do không đủ số liệu				
Gây ung thư	Không phân loại do không đủ số liệu				
Nguy hại sinh sản	Gây hại sinh sản và thai nhi				
Tác động đến nội tạng – phơi nhiễm 1 lần	Không phân loại do không đủ số liệu				
Tác động đến nội tạng – phơi nhiễm nhiều lần	Không phân loại do không đủ số liệu				
Nguy hại khi hít vào	Không phân loại do không đủ số liệu				
Ảnh hưởng mãn tính	Hít lâu có thể gây hại mãn tính				
Các số liệu tiêu cực khác	Không áp dụng				
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI					
1. Độc tính với sinh vật					
Tên thành phần	Loại sinh vật	Loại ngưỡng	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả	
HYDREX 2914 (hỗn hợp)	Bọ nước (daphnia)	EC50	48 giờ (tính toán)	>= 100 mg/l	
	Cá	LC50	96 giờ (tính toán)	>= 80 mg/l	
(*): tính toán trên cơ sở các chất không nêu chi tiết ở đây.					
Độc tính	Độc đối với đời sống thủy sinh				
Phân hủy sinh học	Không áp dụng				
Tính biến đổi	Không áp dụng				
Các nguy hại khác	Không áp dụng				
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ					
Thông tin và phương pháp xả bỏ	Thu hồi và tái chế hoặc bỏ trong các thùng kín tại các nơi được phép để chất thải. Vật liệu này và thùng chứa nó cần được xử lý như chất thải độc hại. Không đổ sản phẩm xuống cống rãnh, nguồn nước. Xả bỏ theo quy định địa phương và quốc tế.				
Đề phòng đặc biệt	Xả bỏ theo quy định.				
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN					
Quy định theo ADR, IATA, IMDG, SEA	COROSIVE LIQUID, TOXIC, N.O.S. (Chất lỏng ăn mòn, Độc hại)				
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển
Quy định về vận chuyển của Việt Nam	UN3098	---	---	---	---
Quy định về vận chuyển q.tế ADR, IATA, IMDG...	UN3098	Oxidizing Liquid, Corrosive, N.O.S (sodium nitrite)	5.1 / 8	III	 
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ					
Quy định áp dụng					

Quy định quản lý và bảo vệ môi trường	Sodium borate (1303-96-4): 5000kg
Luật sức khỏe môi trường cộng đồng	Sodium borate (1303-96-4): Trừ trường hợp dùng boric acid và sodium borate trong y tế, mỹ phẩm, vệ sinh và các chất phục vụ đời sống con người, các chất này không được sử dụng đơn hoặc hỗn hợp 2 chất trên trong nước và dung môi.
Nghị định Montreal	Không áp dụng
Hội nghị Rotterdam	Không áp dụng
Hội nghị Stockholm	Không áp dụng
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC	
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 24 - 04 - 2015 (bản dịch tiếng Việt)	
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Bản gốc tiếng Anh do VEOLIA WATER Solutions & Technologies (SEA) Pte Ltd phát hành. Version 07/24/2014. Bản dịch tiếng Việt do Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thiên Khánh thực hiện.	
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất.	